TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/DS-ST
Ngày: 26-4-2019
V/v "T/c Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Phương Quyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Thật

2. Bà Lê Thị Thanh Vân

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

***- Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2018/TLST–DS ngày 14 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXX-ST ngày 25 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2019/QĐST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự

1. Nguyên đơn: Quỹ Tín Dụng Nhân Dân Mỹ B**,** có trụ sở tại số: 16A đường Tôn Đức Thắng, phường Mỹ B, thành phố Long Xuyên, An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Ngọc H – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung T – Cán bộ tín dụng – Quỹ Tín Dụng Nhân Dân Mỹ B (theo giấy uỷ quyền ngày 07/6/2018) – Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Ngọc X, sinh năm 1960.

Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: Tổ 6, khóm Bình Thới 1, phường Bình K, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 29/5/2018 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B, do ông Nguyễn Trung T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B thỏa thuận ký hợp đồng tín dụng số TT00301499/HĐTD ngày 30/6/2011 với ông Huỳnh Ngọc X, bà Huỳnh Thị T để cho ông X, bà T vay số tiền 140.000.000đ; mục đích vay: chăn nuôi; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất: 2,15%/tháng tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng, lãi suất có thể được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và thỏa thuận của hai bên; lãi suất nợ quá hạn bằng 3.225%; kỳ hạn trả nợ: Trả vốn cuối kỳ, trả lãi theo tháng.

Đảm bảo khoản vay trên ông X, bà T đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn lền với đất số TT00301499/HĐTC ngày 30/6/2011 với Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B để thế chấp cho Quỹ tín dụng: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00351QSDĐ/Ae, thửa số 1, tờ bản đồ số 19, diện tích 75m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 29/9/1997 và 01 Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5001010264, thửa số 1, tờ bản đồ số 19; nhà ở có tổng diện tích sử dụng là 114.4m^2, diện tích xây dựng là 54,6m^2, số tầng 02 theo giấy Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 13/3/1998 cho ông Huỳnh Ngọc X, bà Huỳnh Thị T. Vị trí khu đất và nhà tọa lạc tại đường Phan Bội Châu, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Tuy nhiên hợp đồng thế chấp này chưa thực hiện việc công chứng và đăng ký bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông X, bà T không đóng lãi đúng hạn và còn nợ vốn gốc, lãi từ ngày 30/6/2012 đến ngày 26/4/2019 vẫn chưa thành toán là 5551.618.000đ. Trong đó nợ gốc: 140.000.000đ; nợ lãi là 411.618.000đ (lãi trong hạn 36.722.000đ; lãi quá hạn: 374.896.000đ) nên Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Ngọc X, bà Huỳnh Thị T có trách nhiệm liên đới trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B số tiền vốn lãi nêu trên và tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 27/4/2019 theo mức lãi suất nợ quá hạn

được quy định tại hợp đồng tín dụng số TT00301499/HĐTD ngày 30/6/2011 mà ông X, bà T đã ký với Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B.

Trước đây khi khởi kiện Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B yêu cầu vợ chồng ông X, bà T liên đới trả nợ nhưng tại biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 07/01/2019 và tại phiên tòa hôm nay thì Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu một mình ông X có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B số tiền vốn lãi 5551.618.000đ. Trong đó nợ gốc: 140.000.000đ; nợ lãi là 411.618.000đ (lãi trong hạn 36.722.000đ; lãi quá hạn: 374.896.000đ) và lãi phát sinh kể từ ngày 27/4/2019 theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định tại hợp đồng tín dụng số TT00301499/HĐTD ngày 30/6/2011. Do đã làm rõ được việc bà T không có ký tên vào hợp đồng tín dụng TT00301499/HĐTD ngày 30/6/2011 nên Quỹ tín dụng không yêu cầu bà T liên đới cùng với ông X trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B.

Đối với yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn lền với đất số TT00301499/HĐTC ngày 30/6/2011 giữa Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B với ông Huỳnh Ngọc X, bà Huỳnh Thị T. Hợp đồng thế chấp này do chưa thực hiện việc công chứng và đăng ký bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền nên Quỹ tín dụng Mỹ B cũng xin rút lại yêu cầu duy trì hợp đồng thế thế chấp này và đồng ý trả lại cho ông X, bà T bản chính: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00351QSDĐ/Ae, thửa số 1, tờ bản đồ số 19, diện tích 75m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 29/9/1997 và 01 Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5001010264, thửa số 1, tờ bản đồ số 19; nhà ở có tổng diện tích sử dụng là 114.4m^2, diện tích xây dựng là 54,6m^2, số tầng 02 theo giấy Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 13/3/1998 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp cho ông Huỳnh Ngọc X, bà Huỳnh Thị T.

* Bị đơn ông Huỳnh Ngọc X trinhg bày:

Ông thừa nhận ông có ký hợp đồng tín dụng TT00301499/HĐTD ngày 30/6/2011 với Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B để vay số tiền 140.000.000đ, số tiền này ông vay là để cho em ruột của ông lấy vốn làm ăn, do em của ông làm ăn thất bại không đưa tiền cho ông trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B nên nợ lại cho đến hôm nay. Do vay tiền đưa cho em ông làm ăn nên ông không có cho vợ ông là bà Huỳnh Thị T hay và hợp đồng tín dụng cũng như hợp đồng thế chấp tài sản ngày ngày 30/6/2011, bà T vợ ông không có ký tên. Ông thừa nhận hiện nay còn nợ số tiền vốn lãi là 551.618.000đ như trình bày của Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B, do chỉ có một mình ông đứng vay tiền nên ông xin được một

mình ông có nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B và xin Quỹ tín dụng xem xét giảm bớt lãi để tạo điều kiện cho ông sớm trả nợ. Đối với nhà, đất thế chấp cho Quỹ tín dụng là tài sản chung của vợ chồng nhưng hợp đồng thế chấp chỉ có mình ông ký tên nên ông xin chỉ thì hành án đối với phần tài sản thuộc sở hữu của ông.

** Bị đơn bà Huỳnh Thị T trình bày:*

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà không đồng ý với lý do ông X tự ý đi vay tiền và ký hợp đồng thế chấp tài sản với Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B mà không hề cho bà hay biết và bà không ký tên vào hợp đồng tín dụng cũng như hợp đồng thế chấp tài sản nên bà không có nghĩa vụ liên đới cùng ông X trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Nguyễn Trung T đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B xác định lại yêu cầu khởi kiện: Chỉ yêu cầu ông Huỳnh Ngọc X có trách nhiệm trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B số tiền vốn lãi 551.618.000đ. Trong đó nợ gốc: 140.000.000đ; nợ lãi là 411.618.000đ (lãi trong hạn 36.722.000đ; lãi quá hạn: 374.896.000đ) và lãi phát sinh kể từ ngày 27/4/2019 theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định tại hợp đồng tín dụng số TT00301499/HĐTD ngày 30/6/2011 cho đến khi ông X trả dứt nợ.

- Rút lại một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bà Huỳnh Thị T cùng chịu trách nhiệm liên đới với ông Huỳnh Ngọc X trả nợ vay cho Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B. Đối với yêu cầu duy trì hợp đồng thế chất tài sản thì Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B cũng xin rút lại yêu cầu này là không tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn lền với đất theo hợp đồng thế chấp tài sản số TT00301499/HĐTC ngày 30/6/2011 giữa Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B với ông Huỳnh Ngọc X, bà Huỳnh Thị T. Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B đồng ý trả lại cho ông X, bà T bản chính: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00351QSDĐ/Ae, thửa số 1, tờ bản đồ số 19, diện tích 75m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 29/9/1997 và 01 Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5001010264, thửa số 1, tờ bản đồ số 19; nhà ở có tổng diện tích sử dụng là 114.4m^2, diện tích xây dựng là 54,6m^2, số tầng 02 theo giấy Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 13/3/1998 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp cho ông Huỳnh Ngọc X, bà Huỳnh Thị T.

Bị đơn ông Huỳnh Ngọc X thừa nhận còn nợ Quỹ tín dụng nhân Mỹ B số tiền vốn lãi là 551.618.000đ và xin được giảm bớt lãi để tạo điều kiện cho ông sớm trả nợ cho Quỹ tín dụng.

Bị đơn bà Huỳnh Thanh T thống nhất với việc Quỹ tín dụng rút một phần yêu cầu khởi kiện là chỉ khởi kiện yêu cầu ông X có nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B với ông Huỳnh Ngọc X, bà Huỳnh Thị T là tranh chấp hợp đồng dân sự (Hợp đồng vay tài sản), tranh chấp thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B là nguyên đơn trong vụ án, khởi kiện và xác định ông Huỳnh Ngọc X, bà Huỳnh Thị T là bị đơn, phù hợp theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B do bà Nguyễn Ngọc H – Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân MB là người đại diện theo pháp luật, bà H ủy quyền cho ông Nguyễn Trung T – Cán bộ tín dụng đại diện theo giấy ủy quyền ngày 07/6/2018, thủ tục ủy quyền hợp lệ phù hợp với Điều 85, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được Tòa án chấp nhận ông T tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn và được thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự theo nội dung văn bản ủy quyền.

Tại phiên tòa, ông T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B rút lại một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bà Huỳnh Thị Tn cùng chịu trách nhiệm trả nợ vay 140.000.000đ với ông Huỳnh Ngọc X theo hợp đồng tín dụng số TT00301499/HĐTD ngày 30/6/2011; không tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn lền với đất số TT00301499/HĐTC ngày 30/6/2011 và đồng ý trả lại bản chính: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và quyền dụng đất ở cho ông X, bà T. Việc rút một phần yêu cầu này là sự tự

nguyện của nguyên đơn phù hợp với khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên được xem xét chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B.

[2] *Về thẩm quyền:* Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B khởi kiện đối với ông Huỳnh Ngọc X yêu cầu trả tiền vốn vay và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng dụng số TT00301499/HĐTD ngày 30/6/2011. Hợp đồng tín dụng này mục đích vay nhằm phục vụ đời sống nên được xem là tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập giao dịch dân sự trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực mà có tranh chấp nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết vụ án.

[4] Về nội dung tranh chấp:

Trong quá trình giải quyết thì Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B xác định chỉ có ông X ký tên vào hợp đồng tín dụng số TT00301499/HĐTD ngày 30/6/2011, còn bà T không có ký tên tại Hợp đồng tín dụng, chữ ký tại hợp đồng là do ông X giả chữ ký của bà T ký vào hợp đồng. Ông X có viết tờ cam kết chịu trách nhiệm cá nhân trả số tiền nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B nên có cơ sở xác định đối với hợp đồng tín dụng số TT00301499/HĐTD ngày 30/6/2011 chỉ cá nhân ông Huỳnh Ngọc X nợ vốn vay là 140.000.000đ. Tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng thì bà T không có mặt cùng ông X ký vay tiền, mặc dù biết bà T không có mặt nhưng cán bộ tín dụng vẫn đồng ý cho ông X ký tên của bà T vào hợp đồng. Tại phiên tòa, ông Tuyến đại diện cho Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B thừa nhận có sai khi cho ông X ký thay tên của bà T vào hợp đồng tín dụng nên Quỹ tín dụng chỉ yêu cầu một mình ông X có trách nhiệm trả nợ và không yêu cầu bà T cùng chịu trách nhiệm trả nợ cùng ông X. Nhận thấy số tiền vốn vay không do vợ chồng ông X, bà T cùng vay và sử dụng nên hợp đồng tín dụng chỉ có hiệu lực đối với trách nhiệm của ông X nên Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B yêu cầu cá nhân ông X chịu trách nhiệm trả nợ là có cơ sở để chấp nhận. Vì vậy, cần buộc ông Huỳnh Ngọc X phải có trách nhiệm trả tiền vốn vay cho Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B với số tiền 140.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số TT00301499/HĐTD ngày 30/6/2011 đã ký kết.

Đối với yêu cầu tính lãi của Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B thì Căn cứ vào Điều 2 của hợp đồng tín dụng số số TT00301499/HĐTD ngày 30/6/2011 thì tiền lãi phát sinh từ số tiền vốn vay 140.000.000đ, ông X vi phạm nghĩa vụ trả

lãi từ ngày 30/6/2012 cho đến ngày 26/4/2019 với tiền lãi là: 411.618.000đ (trong đó lãi trong hạn: 36.722.000đ, lãi suất nợ quá hạn 374.618.000 đồng). Hội đồng xét xử nhận thấy, đối với việc ông X không đóng lãi đã vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận và gây thiệt hại cho Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B nên quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B yêu cầu tính lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên là có cơ sở để chấp nhận

Như vậy, tổng cộng số tiền vốn và lãi mà ông X phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B là 551.618.000đ. Trong đó: số tiền nợ gốc 140.000.000đ và tiền lãi từ ngày 30/6/2012 đến đến ngày 26/4/2019 số tiền là: 411.618.000đ (trong đó lãi trong hạn: 36.722.000 đ, lãi phạt chậm trả 374.896.000đ), tiếp tục tính tiền lãi phát sinh theo lãi suất nợ quá hạn được quy định tại hợp đồng tín dụng số TT00301499/HĐTD ngày 30/6/2011 cho đến khi ông X thanh toán hết nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B.

Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn lền với đất số TT00301499/HĐTC ngày 30/6/2011, mà ông X, bà T đã ký với Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B để thế chấp: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00351QSDĐ/Ae, thửa số 1, tờ bản đồ số 19, diện tích 75m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 29/9/1997 và 01 Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5001010264, thửa số 1, tờ bản đồ số 19; nhà ở có tổng diện tích sử dụng là 114.4m^2, diện tích xây dựng là 54,6m^2, số tầng 02 theo giấy Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 13/3/1998 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp cho ông Huỳnh Ngọc X, bà Huỳnh Thị T. Hợp đồng thế chấp nêu trên không không có công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm là chưa phù hợp với Điều 3 Nghị Đinh 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn cũng đồng ý không tiếp tục duy trì hợp thế chấp này và đồng ý trả lại bản chính: 01 giấy quyền sử dụng đất số 00351QSDĐ/Ae do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 29/9/1997 và 01 Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5001010264 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày ngày 13/3/1998 cho ông Huỳnh Ngọc X, bà Huỳnh Thị T. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B được chấp nhận một phần nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông Huỳnh Ngọc X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

*** Căn cứ vào:**

Khoản 3 Điều 26, Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 143, khoản 1 Điều 146, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 158, Điều 186, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 232, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 471, Điều 474, Điều 476, khoản 2 Điều 477 và Điều 478 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 297, Điều 306 Luật thương mại;

Khoản 14 và khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức Tín dụng năm 2010.

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B đối với bị đơn ông Huỳnh Ngọc X.

Buộc ông Huỳnh Ngọc X có trách nhiệm trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B số tiền 551.618.000đ (năm trăm năm mươi mốt triệu sáu trăm mười tám nghìn đồng), trong đó vốn gốc là 140.000.000đ, lãi tạm tính đến ngày 26/4/2019 là 411.618.000đđ (trong đó lãi trong hạn là 36.722.000đ, lãi phạt chậm trả là 374.896.000đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (27/4/2019), khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nơ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[2] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị Tn liên đới cùng với ông Huỳnh Ngọc X trả nợ vay cho Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B và đình chỉ yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn lền với đất số TT00301499/HĐTC ngày 30/6/2011 được ký kết giữa Quỹ tín dụng nhân dân M đối với ông Huỳnh Ngọc X, bà Huỳnh Thị T.

[3] Quỹ tín dụng nhân dân M có trách nhiệm trả lại cho ông Huỳnh Ngọc X, bà Huỳnh Thị T bản chính: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00351QSDĐ/Ae, thửa số 1, tờ bản đồ số 19, diện tích 75m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 29/9/1997 và 01 Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5001010264, thửa số 1, tờ bản đồ số 19; nhà ở có tổng diện tích sử dụng là 114.4m^2, diện tích xây dựng là 54,6m^2, số tầng 02 theo giấy Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 13/3/1998 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp cho ông Huỳnh Ngọc X, bà Huỳnh Thị T.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Ngọc X phải nộp 26.064.000đ (hai mươi sáu triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ B 12.100.000đ (mười hai triệu một trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009790 ngày 10/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

[5] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:
- Các đương sự
- THA TPLX;
- VKS TPLX
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Phương Quyền